TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HSST
Ngày 15-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hồ Thị Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thoại;

2. Ông Nguyễn Văn Trường.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Diện- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Hoàng Vân - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 102/2020/HSST ngày 13 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2020/ QĐXXST-HS ngày 17/12/2020, đối với bị cáo: Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày: 21/5/1983 tại Quảng Trị; nơi cư trú: Khu phố M, Phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Giáo viên; con ông: Nguyễn Văn D, sinh năm 1953 và bà Phạm Thị H2; sinh năm 1947; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba; có chồng Trần Việt H1, sinh năm 1979 và 02 con; con lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không có. Đảng viên đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng kể từ ngày 25/11/2020.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*", có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

+ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q; địa chỉ: Số 227 H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bình T– Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q (Văn bản ủy quyền số 4224/GUQ-STNMT ngày 29/12/2020), có mặt.

+ Ủy ban nhân dân thành phố Đ; địa chỉ: Số 01 H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- ***Người làm chứng***:

+ Ông Trần Việt H1, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu phố M, Phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

+ Anh Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1991; địa chỉ: Khu phố S, Phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị , vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu phố H, Phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu phố H, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Ông Võ Đình M – Công chứng viên Văn phòng Công chứng Đ; địa chỉ: Số 162 L, phường L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu phố T, Phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; đơn vị công tác: Công chứng viên Phòng công chứng số 1 Q, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/8/2017, vợ chồng Nguyễn Thị Thu H, Trần Việt H1 và vợ chồng ông Nguyễn Xuân L, bà Hồ Thị H3; trú tại: Khu phố N, Phường M, thành phố Đ làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 261, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Khu dân cư Nguyễn Trung Trực, Phường 3, thành phố Đông Hà, mang tên ông Nguyễn Xuân L, bà Hồ Thị H3; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD846799 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 20/10/2016. Quá trình làm hợp đồng, Nguyễn Thị Thu H đã chụp ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Xuân L, bà Hồ Thị H3 và lưu trong máy điện thoại di động. Sau đó hai bên đã hủy hợp đồng chuyển nhượng nói trên.

Đến khoảng tháng 01/2020, do cần tiền vốn để kinh doanh nên Nguyễn Thị Thu H vào trang mạng google tìm kiếm dịch vụ: Làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thông qua đó, H liên hệ với tài khoản của người làm giả và thuê làm giả 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả và đã 04 lần sử dụng 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả trên để thế chấp thực hiện giao dịch hợp đồng vay tiền của người khác, cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Vào tháng 01/2020 (*không rõ ngày cụ thể*), thông qua mạng Internet, H liên hệ với một người đàn ông (*không rõ lai lịch, địa chỉ*) nhận làm giấy tờ, tài liệu giả. Hà cung cấp thông tin thửa đất của ông Nguyễn Xuân L, bà Hồ Thị H3 rồi thuê người này làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD846799 mang tên bà Nguyễn Thị Thu H, ghi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 20/10/2016 với giá 10.000.000 đồng. Sau khi nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, H đến gặp và đề nghị anh Nguyễn Anh Đ cho vay 600.000.000 đồng, có tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CD 846799 nói trên. Tưởng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Nguyễn Thị Thu H là thật nên anh Đ đồng ý. Ngày 10/02/2020, Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Anh Đ đến Phòng Công chứng số 01 Q để ký kết và công chứng " Hợp đồng vay tiền", nội dung hợp đồng vay có thế chấp đối với Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD846799 mang tên bà Nguyễn Thị Thu H nói trên. Sau khi soạn thảo xong hợp đồng, H gọi chồng là ông Trần Việt H1 và anh Đ gọi vợ là chị Nguyễn Thị Thanh U đến ký " Hợp đồng vay tiền" nói trên. Sau đó, bị cáo H giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho anh Nguyễn Anh Đ cất giữ.

- Vụ thứ hai: Sau khi hết thời hạn vay tiền tại hợp đồng vay tiền ký ngày 10/4/2020, Nguyễn Thị Thu H đề nghị anh Đ cho gia hạn thời hạn. Anh Đ đồng ý để 02 bên ký kết lại hợp đồng. Ngày 09/4/2020, Nguyễn Thị Thu H cùng với anh Đ đến Phòng Công chứng số 01 Q nộp hồ sơ (kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả CD 846799) yêu cầu công chứng hợp đồng vay tiền thì bị Công chứng viên Nguyễn Thanh T phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CD 846799 là giả, lập biên bản thu giữ và chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra để giải quyết theo thẩm quyền. Hiện Nguyễn Thị Thu H đã trả hết số tiền vay cho anh Nguyễn Anh Đ.

- Vụ thứ ba: Vào tháng 02/2020, Nguyễn Thị Thu H tiếp tục liên hệ với người làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần trước và thuê làm giả thêm 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 846799 (thửa đất của ông L, bà H3) mang tên bà Nguyễn Thị Thu H với giá 10.000.000 đồng. Sau khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, Hà đề nghị chị Nguyễn Thị B cho vay 800.000.000 đồng, có thế chấp quyền sử dụng đất. Tưởng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 846799 của H là thật nên chị B đồng ý. Ngày 10/3/2020, H cùng chị Nguyễn Thị B đến Văn phòng Công chứng Đ để nộp hồ sơ công chứng, ký kết "Hợp đồng vay tiền" và thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 846799 nói trên. Sau đó Hà gọi chồng là ông Trần Việt H1 và chị Nguyễn Thị B gọi chồng là anh Lê Hàn P đến ký kết hợp đồng, H giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho chị B cất giữ. Do chị B cần tiền nên yêu cầu H trả lại số tiền đã vay. Ngày 23/3/2020, Nguyễn Thị Thu H đã trả cho chị B 800.000.000 đồng và lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả rồi đem tiêu hủy.

- Vụ thứ tư: Vợ chồng H và Trần Việt H1 được Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 588455 ngày 01/02/2010 mang tên ông Trần Việt H1, bà Nguyễn Thị Thu H, tại thửa đất số 191, tờ bản đố số 20, địa chỉ Khu phố M, Phường N, thành phố Đ nhưng vào năm 2018 đã thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố Đông Hà. Khoảng tháng 3/2020 (*không rõ ngày cụ thể*), H cần tiền để kinh doanh nên tiếp tục nảy sinh ý định thuê người làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để đem thế chấp vay tài sản của người khác. Do không liên lạc được với người làm giấy tờ, tài liệu giả trước đây nên H tra cứu thông tin trên mạng internet và thuê một người đàn ông (*không rõ lai lịch, địa chỉ*) khác làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 588455 của vợ chồng H với giá 10.000.000 đồng. Sau khi nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, H đến gặp và đề nghị vợ chồng chị Nguyễn Thị G, anh Nguyễn Văn H4 cho vay 1.030.000.000 đồng, có thế chấp quyền sử dụng đất. Tưởng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của H là thật nên chị G, anh H4 đồng ý. Ngày 27/3/2020, H viết sẵn hợp đồng vay tiền,

đưa ông Trần Việt H1 ký tên rồi đến gặp chị Nguyễn Thị G, anh Nguyễn Văn H4 nhận tiền vay và đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 588455 giả cho chị G giữ. Đến ngày 10/5/2020, Nguyễn Thị Thu H đã trả hết số tiền vay cho chị G, anh H4. Sau khi biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 588455 là giả, chị G đã giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Đông Hà.

**** Vật chứng và tài liệu thu giữ:***

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 846799 mang tên bà Nguyễn Thị Thu H, ghi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 20/10/2016 (Giấy chứng nhận giả).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 588455 mang tên ông Trần Việt H1, bà Nguyễn Thị Thu H, ghi Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 01/02/2010 (Giấy chứng nhận giả).

- Bản sao Hợp đồng vay tiền đề ngày 10/3/2020 giữa bên cho vay là Lê Hàn P, Nguyễn Thị B và Bên vay Trần Việt H1 và Nguyễn Thị Thu H;

- Bản sao hợp đồng vay tiền đề ngày 10/02/2020 giữa bên cho vay là Nguyễn Anh Đ, Nguyễn Thị Thanh U và bên vay Trần Việt H1, Nguyễn Thị Thu H;

- Hợp đồng vay tiền ngày 27/3/2020 giữa bên vay là Trần Việt H1, Nguyễn Thị Thu H và bên cho vay là Nguyễn Văn H4, Nguyễn Thị G.

Tại Bản kết luận giám định số 426/KLGĐ-PC09 ngày 03/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Quảng Tri kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 846799 mang tên bà Nguyễn Thị Thu H, ghi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 20/10/2016 là giả. Được làm bằng phương pháp in phun màu.

Tại Bản kết luận số 464/KLGĐ-PC09 ngày 17/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Quảng Trị kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 588455 mang tên ông Trần Việt H1 và bà Nguyễn Thị Thu H, ghi Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 01/02/2010 là giả. Được in bằng phương pháp in phun màu.

Tại bản Cáo trạng số 107/CT-VKSĐH ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu H về tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" theo Điểm b Khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 341 ; Điểm s, r Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H từ 14 đến 17 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

Về xử lý vật chứng và tài liệu thu giữ: Lưu giữ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và hợp đồng vay tiền có công chứng trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố và xét xử, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đông Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng pháp luật.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo Nguyễn Thị Thu H tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ kết luận: Trong thời gian từ tháng 02/2020 đến tháng 4/2020, bị cáo Nguyễn Thị Thu H đã 04 lần thực hiện hành vi sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả để ký "Hợp đồng vay tiền" và dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả để thế chấp tài sản đối với anh Nguyễn Anh Đ; chị Nguyễn Thị B và chị Nguyễn Thị G, anh Nguyễn Văn H4. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" với tình tiết định khung "*Phạm tội 02 lần trở lên*" theo quy đinh tại Điểm b Khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự như cáo trạng viện kiểm sát truy tố là có căn cứ. Điều luật quy định khung hình phạt: *Phạt tù từ 02 năm đến 05 năm*.

[3] Về tính chất hành vi: Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức hành vi của mình là trái với quy định của pháp luật hình sự, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính mà còn gây ảnh hưởng đến anh ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo nghiêm minh nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo; đã tự khai nhận về hành vi sử dụng tài liệu giả để vay tiền bà Nguyễn Thị G nên được hưởng tình tiết "Người phạm tội tự thú"; mẹ bị cáo được tặng thưởng huy chương kháng chiến chống Mỹ, các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, r Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, con gái của bị cáo bị khuyết tật nặng, được hưởng trợ cấp hàng tháng, nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo

quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để đảm bảo tính nhân đạo của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nhưng không thể cho bị cáo được hưởng án treo như lời thỉnh cầu của bị cáo. Bởi vì, hành vi của bị cáo thuộc loại tội phạm có tính chất nghiêm trọng, bị cáo phạm tội nhiều lần. Do đó, không thỏa mãn về điều kiện để xem xét cho hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Xét tính chất hành vi, các tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng, nên áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[5] Về xử lý vật chứng và tài liệu: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 846799 mang tên bà Nguyễn Thị Thu H, ghi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 20/10/2016; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 588455 mang tên ông Trần Việt H1, bà Nguyễn Thị Thu H, ghi Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 01/02/2010 (đều là Giấy chứng nhận giả); Bản sao hợp đồng vay tiền đề ngày 10/3/2020 giữa bên cho vay là Lê Hàn P, Nguyễn Thị B và Bên vay Trần Việt H1 và Nguyễn Thị Thu H; Bản sao hợp đồng vay tiền đề ngày 10/02/2020 giữa bên cho vay là Nguyễn Anh Đ, Nguyễn Thị Thanh U và bên vay Trần Việt H1, Nguyễn Thị Thu H; Hợp đồng vay tiền ngày 27/3/2020 giữa bên vay là Trần Việt H1, Nguyễn Thị Thu H và bên cho vay là Nguyễn Văn H4, Nguyễn Thị G là tài liệu, chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, tiếp tục lưu giữ chứng cứ tại hồ sơ vụ án.

Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Thị Thu H đã sử dụng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả để vay tiền của người khác, nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, bị cáo đã thanh toán các khoản vay và lãi đúng hạn, trước thời hạn hợp đồng, không nhằm mục đích chiếm đoạt nên không có đủ căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự bị cáo đối với nhóm tội phạm chiếm đoạt tài sản. Ông Trần Việt H1 chồng bị cáo cũng là người cùng ký vào các hợp đồng với tiêu đề "*Hợp đồng vay tiền*", nhưng không trực tiếp đưa các tài liệu giả để giao dịch. Do đó, không chứng minh được lỗi cố ý trực tiếp của ông Hoàng, nên không đủ căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Trần Việt H1.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu H phạm tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*"

Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 341; Điểm s, r Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: **Nguyễn Thị Thu H** : **15** (*Mười lăm*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. *Về án phí*: Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP Đông Hà;
- Công an TP Đông Hà;
- Thi hành án hình sự;
- Sở tư pháp Quảng Trị;
- Chi cục THADS TP Đông Hà;
- Bị cáo;
- Người có QL,NV liên quan;
- Lưu: HS, THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Xuân Hương